

## LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

### QUYỂN 41

#### LUẬN VỀ VÔ NGHĨA (Phần 3)

Như trong kinh nói: Đức Phật chuyển pháp luân, các Tỷ kheo như Kiều-trần-na.. thấy pháp, Địa thần Dược-xoa cất tiếng bày tỏ khắp nơi: Hôm nay Đức Thế Tôn ở tại Lộc Uyển, nơi các Tiên nhân tu hành thuộc thành Bà-la-ni-tư, ba lần chuyển pháp luân có đủ mười hai tướng, cho đến nói rộng ra”

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh. Nghĩa là trong kinh nói: “Đức Phật chuyển pháp luân, Địa thần Dược-xoa cất tiếng bày tỏ khắp nơi” Trong kinh tuy nói ra như vậy, mà không phân biệt về nghĩa ấy, không nói Địa thần vì tự mình có trí kiến, hay là nhờ người khác mà biết rồi cất tiếng bày tỏ khắp nơi? Kinh là nơi nương tựa căn bản của luận này, trong kinh không giải thích thì nay cần phải giải thích. Lại nữa, muốn là cho người nghi ngờ có được quyết định, trong kinh nói “Địa thần cất tiếng bày tỏ khắp nơi: Đức Phật ba lần chuyển pháp luân ở đại Lộc uyển: Hoặc có người sinh nghi: Địa thần tự mình có trí kiến hiện lượng biết sự việc như vậy? Vì muốn làm cho mối nghi này được quyết định, hiển bày đại thần chỉ có trí đạt được mối nghi ngờ này được tử nơi sinh, bởi vì chuyển pháp luân không phải là cảnh hiện lượng. Vì nhân duyên như vậy cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Là đại thần kia có chánh trí kiến mà biết Đức Phật chuyển pháp luân và Tỷ kheo thấy pháp phải không?

Đáp: Không có, bởi vì sự việc này rất lâu xa chứ không phải là cảnh của địa thần.

Hỏi: Địa thần làm sao biết được?

Đáp? Bởi vì năm duyên.

1. Vì tin và Đức Thế Tôn nghĩa là Đức Phật khởi tâm thế tục: Ta

chuyển pháp luân khiến cho Tỳ kheo thấy pháp. Vì vậy mà Địa thần biết được. Nghĩa là Đức Phật nếu khởi tâm vô lậu hay là tâm thế tục chưa từng đạt được, thì tất cả hữu tình không có ai có thể biết được; nếu lúc khởi tâm thế tục đã từng đạt được, thì các loại hữu ích tình có người có năng lực biết được. Nghĩa là lúc Đức Phật khởi tâm thế tục này, nếu muốn làm cho hạng lợi căn cũng không biết, thì Xá-lợi-tử... tiến vào phạm vi của tính lự thứ tư, dấy khởi nguyện trí vi diệu cũng không thể nào biết được; nếu muốn làm cho nẻo ác cũng biết, thì các loại vượn, khỉ... cũng có thể biết rõ ràng; nếu muốn làm cho nẻo thiện cũng biết, thì hạng tội tử thấp kém... cũng có thể biết rõ ràng; nếu muốn làm cho hạng lợi căn cũng không biết, thì Xá-lợi-tử... tiến vào phạm vi tính lự thứ tư, dấy khởi nguyện trí vi diệu cũng không thể nào biết được; nếu muốn làm cho nẻo ác cũng biết thì các hàng trời, người không có ai có thể biết được. Nay Đức Phật muốn làm cho đại thần biết, cho nên khởi tâm thế tục đã từng đạt được: ta chuyển pháp luân khiến cho tỳ kheo thấy pháp. Địa thần biết rồi cất tiếng bày tỏ khắp nơi.

Hỏi: Vì sao Đức Phật khởi tâm thế tục này.

Đáp: Bởi vì qua vô số kiếp tu tập các loại khổ hạnh khó thực hành, vì lợi ích cho hữu tình, nay chuyển pháp luân khiến cho Tỳ kheo thấy pháp, chính là gia hạnh xưa kia, đến nay mới đạt được quả, sinh lòng hoan hỷ sâu sắc, cho nên khởi tâm này. Lại nữa, xưa phát hoằng thệ, làm lợi ích cho người khác, nay mới đạt được quả, cho nên khởi tâm này. Lại nữa, xưa phát đại nguyện vì cứu người khác, nay mới đạt được quả, cho nên khởi tâm này. Lại nữa, mong mỗi thắng nghĩa, làm lợi ích yên vui cho hữu tình, nay quả bắt đầu toại nguyện, cho nên khởi tâm này.

2. Hoặc là Đức Phật bảo với người khác: Ta chuyển pháp luân khiến cho Tỳ kheo thấy pháp. Vì vậy mà Địa thần nghe được. Nghĩa là nếu đối với người có được tâm thiện xảo, thì Đức Phật khởi tâm rồi lập tức có thể biết rõ ràng; nếu chỉ đối với người có được lời nói thiện xảo, thì Đức Phật bảo với người khác rồi mới có thể biết rõ ràng.

Hỏi: Vì sao Đức Phật Thế Tôn bảo với người khác khiến cho biết?

Đáp: Bởi vì Đức Thế Tôn muốn biểu hiện những lời chân thành chính xác trong cách thuyết pháp khéo léo là thấy như nhau, vui thích như nhau, mọi người đều cùng thừa nhận cho nên bảo với người khác.

Được biết, bởi vì trải qua ba vô số kiếp tu nhiều khổ hạnh, làm lợi ích cho hữu tình, nay mới đạt được quả, sinh lòng hoan hỷ sâu sắc, cho

nên bảo với người khác được biết. Lại nữa, Đức Thế Tôn tự biểu hiện về pháp tôn quý nhất - thù thắng nhất ở trong chính mình, sáu pháp của các đạo, không có gì có thể sánh bằng, cho nên bảo với người khác được biết. Lại nữa, muốn hiển bày Phật pháp thật sự có năng lực xuất ly - có thần biến to lớn, cho nên bảo với người khác được biết. Lại nữa, Đức Phật muốn biểu hiện rõ ràng về công đức chân thật của Kiều-trần-na..., cũng nêu rõ ruộng phước tốt lành của thế gian, cho nên bảo với người khác khiến biết được. Lại nữa, muốn làm cho trời, người cung kính tin tưởng sâu sắc đối với thánh giáo của Đức Phật, cho nên bảo với người khác khiến biết được. Lại nữa, Đức Thế Tôn tự biểu hiện về pháp xa lìa keo kiệt, đối với pháp khiến có vốn không có thầy trao truyền, cho nên bảo với người khác khiến biết được. Lại nữa, Đức Phật muốn biểu hiện chính mình có pháp của bậc Đại sĩ chứ không phải là đạo nào khác, cho nên bảo với người khác khiến biết được. Lại nữa, Đức Thế Tôn tự biểu hiện là có tướng thông minh chứ không có đạo nào khác, cho nên bảo với người khác khiến biết được. Như trong kinh nói : “Những người thông minh có ba loại tướng: 1. Do khéo tư duy mà tư duy; 2. Do khéo thực hiện mà thực hiện. 3. Do khéo nói năng mà nói năng”.

3. Hoặc từ Đại Đức Thiên Tiên mà nghe được, nghĩa là Đức Phật chuyển pháp luân khiến cho năm Tỳ kheo thấy pháp.

Hỏi: Như thế nào gọi là Đại Đức Thiên Tiên?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Là trời Tịnh Cư. Có sự khác nói: Là trời cõi Dục đã thấy Thánh đế. Lại có người nói: Có trời trường thọ đã từng thấy tướng chuyển pháp luân của chư Phật Thế Tôn đời quá khứ, nay thấy Đức Thế Tôn có tướng như vậy, hoan hỷ bảo với người khác khiến biết được, Địa thần đã nghe mà cất tiếng bày tỏ khắp nơi.

4. Hoặc là lúc ấy Tôn giả Kiều-trần-na... khởi tâm thế tục: Đức Phật chuyển pháp luân khiến cho chúng ta thấy pháp. Vì vậy mà Địa thần biết được.

Hỏi: Tại sao Tôn giả khởi tâm thế tục?

Đáp: Bởi vì đã làm hại hai mươi loại Tát-ca-da-kiến, bởi vì đã đoạn tuyệt tất cả các nhân của nẻo ác, bởi vì sinh tử không có giới hạn nay đã có giới hạn, bởi vì biển khổ không có bờ bến nay đã có bờ bến, bởi vì đã thấy thánh đế, bởi vì tiến vào chánh định tụ, sinh lòng hoan hỷ sâu sắc cho nên khởi tâm này. Lại nữa, xưa kia đã phát khởi Hoằng thế Đại nguyện và tu các khổ hạnh, nay cảm quả toại nguyện mà sinh lòng hoan hỷ sâu sắc, cho nên khởi tâm này.

5. Hoặc là Tôn giả ấy nói với người khác mà Địa thần nghe

được.

Hỏi: Vì sao Tôn giả nói với người khác khiến cho biết được?

Đáp: Bởi vì Tôn giả muốn biểu hiện những lời chân thành chính xác trong các thuyết pháp khéo léo là thấy như nhau - vui thích như nhau, mọi người đều cùng thừa nhận cho nên bảo với người khác được biết. Lại nữa, muốn hiển bày Đức Thế Tôn trải qua ba vô số kiếp tu nhiều khổ hạnh, nay mới đạt được quả, cho nên bảo với người khác biết được. Lại nữa, muốn hiển bày Phật pháp là pháp tôn quý nhất, thù thắng nhất ở trong chín mươi sáu pháp của các đạo, cho nên bảo với người khác biết được. Lại nữa, muốn hiển bày Phật pháp thật sự có năng lực xuất ly - có thần biến to lớn, cho nên bảo với người khác biết được. Lại nữa, muốn làm cho trời người cung kính tin tưởng sâu sắc đối với thánh giáo của Đức Phật, cho nên bảo với người khác khiến biết được. Lại nữa, vì muốn dẫn dắt phát sinh tâm vui thích giáo pháp của vô lượng hữu tình, cho nên bảo với người khác khiến biết được. Lại nữa, muốn làm cho vô lượng hữu tình biếng nhác trở thành chịu khó tinh tiến, cho nên bảo với người khác khiến biết được. Lại nữa, muốn hiển bày Đức Như Lai rời bỏ khổ hạnh cùng cực mà có quả vị lớn lao, cho nên bảo với người khác khiến biết được. Lại nữa, muốn biểu hiện chính mình quy y Phật pháp không uổng phí vô ích, cho nên bảo với người khác khiến biết được.

Nghĩa về chuyển pháp luân như phẩm bất hoàn trong chương Định uẩn ở sau sẽ biểu hiện rõ ràng rộng ra.

Lại trong kinh nói “Có những Tỳ kheo đắc quả A-la-hán, các lậu đã không còn, trời Tam Thập Tam nhiều lần tập hợp trong Thiện Pháp Đường, nói rõ ràng ở nơi ấy có Tôn giả ấy, hoặc là đệ tử của Tôn giả ấy, cao bỏ râu tóc, khoác mặc ca-sa, chánh tín xuất gia chịu khó tu tập Thánh đạo, các lậu đã không còn, chứng được tâm vô lậu và Tuệ giải thoát, ở trong pháp hiện tại có năng lực tự mình thông đạt, chứng trú đầy đủ, cũng tự mình biết rõ ràng, đời sống của mình đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã hoàn thành, không tiếp nhận thân đời sau, cho đến nói rộng ra”.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh. Nghĩa là trong kinh viên sinh thọ nói: “Có những Tỳ kheo đắc quả A-la-hán, các lậu đã không còn, trời Tam Thập Tam...” Cho đến nói rộng ra. Trong kinh tuy nói ra như vậy, mà không phân biệt về nghĩa ấy, không nói đến trời Tam Thập Tam là tự mình có trí kiến, hay là nhờ vào người khác mà biết, cho nên tập hợp trong Thiện Pháp Đường nói rõ ràng về sự việc ấy. Kinh là

nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì trong kinh không giải thích thì nay cần phải giải thích. Lại nữa, muốn làm cho người nghi ngờ có được quyết định rõ ràng, nghĩa là có người sinh nghi: Trời ấy tự mình có trí kiến hiện tượng mà biết sự việc như vậy? Muốn làm cho mỗi nghi này được quyết định, cho nên hiển bày vị trời ấy chỉ có trí kiến tỷ lượng là trí đạt được từ nơi sinh, bởi vì đối với đức lậu tận không phải là cảnh hiện lượng, vì nhân duyên như vậy cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Vì các vị trời ấy có chánh trí kiến mà biết các tỳ kheo đắc quả A-la-hán, không còn các lậu chướng?

Đáp: Không có, bởi vì sự việc này rất sâu xa, không phải là cảnh của họ.

Hỏi: Họ làm sao biết được.

Đáp: Bởi vì năm duyên.

1. Vì tin vào Đức Thế Tôn, nghĩa là Đức Phật khởi tâm thế tục: Các Tỳ kheo này đắc quả A-la-hán, các lậu đã không còn. Vì vậy mà các vị trời biết được. Nghĩa là Đức Phật nếu khởi tâm vô lậu hay là tâm thế tục chưa từng đạt được, thì tất cả hữu tình không có ai có thể biết được, nếu lúc khởi tâm thế tục đã từng đạt được, thì các loại hữu tình có người có năng lực biết được. Nghĩa là lúc Đức Phật khởi tâm thế tục này nói rộng ra như trước cho đến hiện tại Đức Phật muốn khiến cho các vị trời ấy biết, cho nên khởi tâm thế tục đã từng đạt được : Các Tỳ Kheo này đắc quả A-la-hán, các lậu đã không còn, các vị trời ấy biết rồi tập hợp trong Thiện Pháp Đường để ca ngợi nói về sự việc ấy.

Hỏi: Vì sao Đức Phật khởi tâm thế tục này?

Đáp: Bởi vì các vị A-la-hán chân thật phù hợp với ý Phật, nghĩa là nếu các Tỳ Kheo vĩnh viễn đoạn hết quả báo của đời sau, chính là chân thật phù hợp với ý của Đức Phật, các Tỳ Kheo này đã không còn các lậu, vĩnh viễn đoạn kết quả báo của đời sau, đều có thể chân thật phù hợp với ý của Đức Phật, cho nên khởi tâm thế tục làm cho các vị trời biết mà tập trung để ca ngợi nói đến sự việc ấy.

2. Hoặc là Đức Phật nói cho người khác biết: Các Tỳ Kheo này đắc quả A-la-hán, các lậu đã không còn. Vì vậy các vị trời nghe được. Nghĩa là nếu đối với người có được tâm thiện xảo, thì Đức Phật khởi tâm rồi lập tức có thể biết được; nếu người chỉ có được thiện xảo đối với lời nói, thì Đức Phật nói cho họ biết rồi mới có thể biết rõ ràng.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn nói cho họ khiến họ biết được?

Đáp: Bởi vì Đức Thế Tôn muốn biểu hiện những lời chân thành chính xác trong cách thuyết pháp khéo léo là thấy như nhau. Vui thích

như nhau, mọi người đều cùng thừa nhận cho nên nói cho họ được biết. Lại nữa, Đức Thế Tôn tự mình biểu hiện về pháp tôn duy nhất - thù thắng nhất ở trong chín mươi sáu pháp của các đạo, không có gì có thể sánh bằng, cho nên nói cho họ được biết. Lại nữa, muốn hiển bày Phật pháp thật sự có năng lực xuất ly - có thần biến to lớn, cho nên nói cho họ được biết. Lại nữa, Đức Phật muốn biểu hiện rõ ràng về công đức chân thật của các Tỳ Kheo ấy, cũng nêu rõ ruộng phước tốt lành của thế gian, cho nên nói cho họ được biết. Lại nữa, muốn làm cho trời - người cung kính tin tưởng sâu sắc đối với thánh giáo của Đức Phật, cho nên nói cho họ được biết. Lại nữa, Đức Phật muốn khuyến khích những người tu hành khác phát tâm tinh tiến dũng mãnh, cho nên nói cho họ được biết.

3. Hoặc từ Đại đức Thiên Tiên mà nghe được, nghĩa là các Tỳ Kheo ấy đã không còn các lậu.

Hỏi: Như thế nào gọi là Đại đức Thiên Tiên?

Đáp: Người chứng đắc A-la-hán trong hàng trời.

Hỏi: Tất cả các A-la-hán ấy đều biết sự việc này mà nói cho người khác biết chăng?

Đáp: Không phải như vậy, người có căn cơ thù thắng mới có thể biết được, không phải là những người khác.

4. Hoặc là Tôn giả ấy khởi tâm thế tục: Mình đã không còn các lậu, đắc quả A-la-hán. Vì vậy mà các vị trời biết được.

Hỏi: Vì sao Tôn giả khởi tâm thế tục?

Đáp: Bởi vì Tôn giả ấy từ vô thỉ đến nay thân tâm bị phiền não hừng hực nóng bức làm cho phiền muộn, bây giờ mới được mát mẻ yên lành; từ vô thỉ đến nay nối tiếp theo nhau trong sinh tử, nay mới được vĩnh viễn đoạn trừ; đã rồi bỏ nung đốt bức bách, mà được mát mẻ yên lành; rời bỏ mùi vị có ái, cảm được mùi vị không có ái; rời bỏ tham đắm, cảm được xuất ly; rời bỏ nhiễm ô, cảm được thanh tịnh; sinh lòng hoan hỷ hết sức cho nên khởi tâm này.

5. Hoặc là lúc ấy nói với người khác mà chư Thiên nghe được.

Hỏi: Vì sao Tôn giả nói với người khác khiến cho được biết?

Đáp: Bởi vì Tôn giả muốn biểu hiện những lời chân thành chính xác trong cách thuyết pháp khéo léo là thấy như nhau và vui thích như nhau, mọi người đều cùng thừa nhận, cho nên nói với người khác được biết; còn lại tùy theo sự thích hợp, như nói trong duyên Đức Phật bảo với người khác và Tôn giả Kiều-trần-na nói với người khác. Lại nữa, muốn khiến cho những người trước đây cung cấp y phục - đồ ăn thức

uống - vật dùng ngồi nằm - thuốc thang cho Tôn giả, những thí chủ cùng nghe sinh lòng hoan hỷ, công đức càng tăng thêm, cho nên nói với người khác được biết. Lại nữa, muốn khiến cho những người trước đây không cung kính tin tưởng, sinh lòng cung kính tin tưởng, cho nên nói với người khác khiến được biết. Lại nữa, muốn biểu hiện xuất gia chịu khó tu hành khổ hạnh có quả thì thắng, cho nên nói với người khác khiến được biết.

Hỏi: Các Thiên Thần khác cũng có ca ngợi nói đến vị không còn các lậu chướng?

Đáp: Nên nói cũng có.

Hỏi: Vì sao chỉ nói đến trời Tam Thập Tam?

Đáp: Bởi vì chư Thiên cõi ấy nhiều lần tập hợp nói về những việc thiện - ác, cho nên chỉ nói đến chư Thiên cõi ấy. Nghĩa là chư Thiên cõi ấy vào mỗi nửa tháng, thường thường vào ngày mồng tám, hoặc ngày mười bốn, hoặc ngày mười lăm, tập trung ở Thiên Tháp Đường xem xét cân nhắc về thiện - ác của thế gian nhiều ít. Lại nữa, trời Tam Thập Tam thường cùng nhau xem xét người tạo nghiệp thiện - ác, thấy người tạo nghiệp thiện thì ủng hộ cho họ, thấy người tạo nghiệp ác thì cùng nhau chỉ trích chê bai, cho nên chỉ nói đến chư Thiên cõi ấy. Lại nữa, trời Tam Thập Tam thấy người tạo nghiệp thiện thì hoan hỷ ca ngợi, cho nên chỉ nói đến chư Thiên cõi ấy. Lại nữa, trời Tam Thập Tam có cây viên sinh dụ cho A-la-hán, cho nên chỉ nói đến chư Thiên cõi ấy.

Hỏi: Trời Tam Thập Tam cũng cùng nhau ca ngợi nói về hàng Hữu học hay không?

Đáp: Cũng cùng nhau nói về những người Hữu học, nếu các hữu tình hiếu thảo phụng dưỡng cha mẹ, thì chư Thiên cõi ấy hãy còn ca ngợi nói đến họ, huống là người Hữu học hay sao?

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao trong kinh nói là chư Thiên cõi ấy chỉ cùng nhau ca ngợi nói đến bậc A-la-hán?

Đáp: Bởi vì dựa vào sự hơn hẳn mà nói, nghĩa là Bồ-đặc-già-la trong pháp Vô học đều hơn hẳn Hữu học, cho nên chỉ nói đến Vô học. Lại nữa, nếu bậc A-la-hán xuất hiện giữa thế gian, thì chúng chư Thiên tăng lên, chúng phi Thiên giảm bớt, như lúc trăng tròn thì biển rộng tràn đầy, cho nên chỉ nói đến Vô học. Lại nữa, nếu bậc A-la-hán xuất hiện giữa thế gian, thì quân đội của chư Thiên đánh thắng A-đổ-lạc, như lúc đánh nhau trông thấy Thiên tử Thiện Dững, cho nên chỉ nói đến Vô học. Lại nữa, nếu bậc A-la-hán xuất hiện giữa thế gian, thì Thiên tử sinh ra sau có thọ mạng - sắc thân và danh tiếng hơn hẳn Thiên tử sinh ra trước,



như người nghèo hèn lấy nước cơm để bố thí hơn hẳn những thí chủ khác, cho nên chỉ nói đến Vô học. Lại nữa, nếu bậc A-la-hán xuất hiện giữa thế gian, thì dùng nên ít đồ vật để bố thí sẽ cảm được quả báo to lớn, như Ca-diếp ba bố thí cho Tôn giả Vô Diệt nên bữa ăn sơ sài, mà nhiều đời trở lại chốn trời - người nhận quả vi diệu thù thắng, cho nên chỉ nói đến Vô học. Lại nữa, nếu bậc A-la-hán xuất hiện giữa thế gian, thì có thể làm cho người trông thấy sinh tâm thanh tịnh chút ít được sinh lên cõi trời hưởng thụ vui sướng, như loài chó La-hán xuất hiện giữa thế gian, thì nhiều ngục tù sinh tử được cởi bỏ, như nhà vua sinh con mà đại xá cho thiên hạ, cho nên chỉ nói đến Vô học. Lại nữa, nếu bậc A-la-hán xuất hiện giữa thế gian, thì con đường của nẻo thiện - nẻo ác hiện bày rõ ràng, như lúc mặt trời mọc thì soi sáng mọi nơi yên lành - nguy hiểm, cho nên chỉ nói đến Vô học. Lại nữa, nếu bậc A-la-hán xuất hiện giữa thế gian, thì có thể làm cho chư Thiên không mất địa vị của chư Thiên, như Thiên Đế Thích trừ sạch những tướng suy sụp, cho nên chỉ nói đến Vô học. Lại nữa, nếu bậc A-la-hán xuất hiện giữa thế gian, thì khiến cho Thiên Tiên đầy khắp trong những khung trời, như được bạn tốt thân nhiếp giữ gìn đầy đủ công đức, cho nên chỉ nói đến Vô học. Lại nữa, nếu bậc A-la-hán xuất hiện giữa thế gian, thì có thể khiến cho chư Thiên chán ngán năm thứ dục lạc, như Thiên Đế Thích và Diêm-ma Luân vương, tuy dục lạc tuyệt diệu hiện bày trước mắt mà có thể sinh lòng chán ngán rời bỏ, cho nên chỉ nói đến Vô học. Lại nữa, nếu bậc A-la-hán xuất hiện giữa thế gian, thì có thể làm cho thế gian lắng nghe chánh pháp, vật báu của Bồ đề phần thấy đều dồi dào đầy đủ, như thuyền báu giữa biển rộng tùy theo nơi chốn mà đến, cho nên chỉ nói đến Vô học. Lại nữa, nếu bậc A-la-hán xuất hiện giữa thế gian, thì tất cả hữu tình thấy đều hưởng thụ niềm vui, như làn mưa ngọt ngào tưới xuống thì cấy cày gieo trồng được mùa bội thu, cho nên chỉ nói đến Vô học. Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên bậc chư Thiên chỉ nói đến Vô học.

Hỏi: Trời Tam Thập Tam là khen ngợi nói đến tất cả A-la-hán, hay là nên phần ít?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Khen ngợi nói đến tất cả, bởi vì chư Thiên cõi ấy thích khen ngợi phẩm đức của người khác, các A-la-hán đã hoàn thành việc làm của mình thật là hiếm có, cho nên đều khen ngợi nói đến. Lại có người nói: Không khen ngợi nói đến tất cả. Nguyên cố thế nào? Bởi vì có hàng trăm ngàn A-la-hán, dựa vào trong hang núi mà nhập tịch diệt, những người cùng cư trú hãy còn không biết



được, huống gì trời - người khác cách xa mà cùng nhau khen ngợi nói đến hay sao?

Hỏi: Khen ngợi nói đến những A-la-hán nào?

Đáp: Như trong kinh này đã khen ngợi nói đến. Nghĩa là A-la-hán tạo tác tăng trưởng về nghiệp danh dự, thì chư Thiên khen ngợi nói đến bậc ấy; nếu không tạo tác về nghiệp danh dự, giả sử có tạo tác mà không tăng trưởng, thì chư Thiên không khen ngợi nói đến. Lại nữa, nếu có người sang trọng mà xuất gia, thì chư Thiên khen ngợi nói đến người ấy, như Vương tử họ Thích ... Lại nữa, nếu có người giàu có - công đức to lớn, thì chư Thiên khen ngợi nói đến người ấy, như Vô Diệt... Lại nữa, nếu có người Đại trí làm lợi ích cho người khác không biết mệt mỏi, thì chư Thiên khen ngợi nói đến người ấy, như Xa-lợi-tử... Lại nữa, nếu người có năng lực họ trì Phật pháp, mọi người cùng đến quy y, thì chư Thiên khen ngợi nói đến người ấy, như Âm Quang... Lại nữa, nếu có người lúc sinh ra làm chấn động trời đất, hiện bày ánh sáng rực rỡ, thì chư Thiên khen ngợi nói đến người ấy. Lại nữa, nếu có người xuất gia tinh tiến chịu khó khổ hạnh, có thể làm điều khó làm, hộ trì Phật pháp, lợi ích cho người - trời, thì chư Thiên khen ngợi nói đến người ấy, những bậc A-la-hán khác thì chư Thiên không khen ngợi nói đến.

Hỏi: Người tăng thượng mạn, chư Thiên biết hay không?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Có biết và không biết. Nghĩa là người dựa vào công đức thù thắng mà khởi lên tăng thượng mạn, thì chư Thiên không biết được; nếu người dựa vào công đức kém cõi mà khởi lên tăng thượng mạn, thì chư Thiên sẽ biết. Lại nữa, nếu người dựa vào công đức vi diệu mà khởi lên tăng thượng mạn, thì chư Thiên không biết được; nếu người dựa vào công đức thô thiển mà khởi lên tăng thượng mạn, thì chư Thiên sẽ biết. Lại nữa, nếu người dựa vào công đức của cõi trên mà khởi lên tăng thượng mạn, thì chư Thiên không biết được; nếu người dựa vào công đức của cõi dục mà khởi lên tăng thượng mạn, thì chư Thiên sẽ biết... Có sư khác nói: Người tăng thượng mạn, chư Thiên không biết được. Như Thiên Đế Thích vào lúc thế gian không có Phật, nếu thấy ngoại đạo ở nên mình nơi vắng vẻ, liền đi đến chỗ ấy quan sát - lễ lạy cung kính, nói là Như Lai. Đế Thích hãy còn như vậy, huống hồ những Thiên chúng khác hay sao?

Hỏi: Những người phạm giới, chư Thiên biết hay không?

Đáp: Có biết và không biết. Nghĩa là phạm vào giới thô nặng, thì chư Thiên sẽ biết; nếu phạm vào giới vi tế, thì chư Thiên không biết được.

Như trong kinh nói: “Các quan phụ tá của nước Ma-kiệt-đà, có người là Hóa pháp điều phục, có người là Pháp tùy pháp hành...” cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì cần phải phân biệt nghĩa lý trong kinh. Nghĩa là kinh Thắng Uy nói như vậy: “Nên thời Đức Phật ở tại rừng Quận-thị-ca thuộc ấp Na-địa-ca, lúc ấy nước Ma-kiệt-đà có tám vạn bốn ngàn vị quan phụ tá, qua đời cùng nên lúc”. Có người nói: Vì dịch bệnh cho nên họ mạng chung. Có người nói: Họ bị vua Vị Sinh Oán (A-xà-thế) giết hại. Nghĩa là Vị Sinh Oán giết hại vua cha rồi, cũng giết hại tám vạn bốn ngàn vị quan phụ tá. Các quyển thuộc của họ đến chỗ A-nan nói lời như vậy: Ở ấp đó thuộc nước kia có nhiều người tin Phật, khi thân hoại mạng chung thì Đức Như Lai đều ghi nhận là họ sinh vào những nơi chốn như thế; tám vạn bốn ngàn vị quan hầu cận của vua trước ở nước Ma-kiệt-đà cũng đều tin Phật, nay đã qua đời nhưng chưa được Đức Thế Tôn ghi nhận về nơi chốn mà họ sinh đến, chỉ mong thưa thỉnh giúp cho! A-nan nhận lời của họ, vào sáng sớm hôm sau đi đến chỗ của Đức Như Lai, đánh lễ dưới hai chân rồi lùi lại đứng về bên, cung kính chấp tay hiện rõ tướng thân ái, phương tiện thưa thỉnh rằng: Ở ấp đó thuộc nước kia có nhiều người tin Phật, khi thân hoại mạng chung thì Đức Phật ghi nhận nơi sinh của họ, vua Ảnh-kiên và tám vạn bốn ngàn vị quan của nước Ma-kiệt-đà cũng đều tin Phật, nay đã mạng chung mà Đức Như Lai không ghi nhận, các quyển thuộc của họ sinh tâm sầu não, nếu Đức Phật không ghi nhận nơi chốn sinh đến cho họ, thì e rằng quyển thuộc của họ khởi tâm trách móc căm giận, chỉ mong Đức Thế Tôn xét thương mà ghi nhận cho họ! Vả lại, Đức Phật thành tựu quả vị đẳng chánh Giác tại nước Ma-kiệt-đà này, nơi ấy có ân nặng và vua Ảnh-kiên tin sâu sắc vào Tam bảo, cung kính cúng dường chưa từng có gì thiếu sót, cho nên Đức Thế Tôn nhất định tùy thuận ghi nhận cho họ. Đức Phật thương xót họ cho nên yên lặng nhận lời, liền mang y bát đi vào ấp Na-địa-ca, khất thực đúng như pháp, thọ thực xong trở về đến rừng Quận-thị-ca, thu xếp y bát, rửa tay chân rồi đi vào phòng nghỉ ngơi, trải chỗ ngồi mà ngồi, thân yên-ý định, bằng lòng tư duy, quán xét nơi chốn sinh về của các vị quan nước Ma-kiệt-đà

Hỏi: Đức Phật đối với các pháp thì lúc vừa mới khởi tâm, trí kiến vô ngại tự nhiên mà chuyển, vì sao phải đi vào phòng để tập trung dốc lòng tư duy quán sát?

Đáp: Bởi vì muốn hiển bày nghiệp quả hết sức sâu xa, vô cùng

vi tế, khó hiểu biết được, khó biểu hiện rõ ràng, khó thấy hiện rõ ra, vì vậy trong tất cả ba Tạng giáo pháp thì tạng Tỳ-nại-da thật là vô cùng sâu xa, phần nhiều trình bày về tướng sai biệt của nghiệp quả. Trong các kinh nói về nơi chốn của nghiệp quả thật là hết sức sâu xa, hai loại Hành-Hữu trong mười hai chi thật là vô cùng sâu xa, trí lực về tự nghiệp trong mười Lực của Phật thật là hết sức sâu xa, nghiệp uẩn thứ tư trong tám uẩn này thật là vô cùng sâu xa, nghiệp quả của hữu hình thật là hết sức sâu xa trong bốn điều khó suy nghĩ, cho nên Đức Phật phải đi vào phòng để tập trung dốc lòng tư duy quán sát. Lại nữa, Đức Phật muốn biểu hiện rõ ràng về thân tâm- nhân quả, chương ngại- đối trị, mạng chung - thọ sinh của các vị quan nước Ma-kiệt-đà, tất cả đều có các loại sai biệt, cho nên phải đi vào phòng tập trung dốc lòng tư duy quán sát. Lại nữa, người cần phải tiếp nhận cảm hóa hãy còn chưa tập trung, nghĩa là Đức Phật thuyết pháp không phải là vì nên người, như Long Vương tuôn mưa chắc chắn tưới thấm khắp nơi vì chờ đợi vô lượng hữu hình cần phải cảm hóa, cho nên tạm thời đi vào phòng để lắng lòng tư duy. Lại nữa, bởi vì thiên tử thắng uy hãy còn chưa đến, nghĩa là vua Ảnh-kiên bị con trai giết hại rồi sinh vào nhà của Đa Văn Thiên , tên gọi là Thắng Uy, thiên tử ấy nghe Đức Như Lai nói về nơi sinh sai biệt của các quan phụ tá, thì nhất định phải đến lắng nghe tiếp nhận, vì chờ đợi Thiên tử ấy cho nên Đức Phật tạm thời phải đi vào phòng. Lại nữa, vì muốn làm cho A-nan kính trọng đối với giáo pháp, nghĩa là nếu vì điều ấy mà thuyết pháp nên cách kính suất, thì A-nan không kính trọng sâu sắc đối với giáo pháp, muốn làm cho khao khát và ngưỡng mộ được nghe thì nhất định thọ trì tư duy đúng như lý để nói rộng ra cho người khác biết, cho nên Đức Phật tạm thời đi vào phòng lắng lòng tư duy. Lại nữa, bởi vì đoạn trừ tâm lý kiêu mạn của người ngu, nghĩa là người không có trí thì thật sự không hiểu biết gì, mà ôm lòng ngạo mạn cho là thông minh, nếu người khác thưa hỏi thì không quán sát nông sâu mà vội vàng trả lời nên cách kính suất, Đức Phật muốn đoạn trừ tâm lý kiêu mạn ấy, cho nên tự mình biểu hiện trí kiến đối với tất cả các pháp tùy vận dụng mà chuyển, nếu được người khác hỏi han thì hãy còn tư duy kỹ càng, khoan thai mà trả lời, huống gì người không có trí hỏi han mà vội vàng trả lời thì hay sao? Lại nữa, bởi vì Đức Phật muốn tự mình biểu hiện về pháp của bậc thiện sĩ, nghĩa là các bậc thiện sĩ có ba loại tướng, tức là do khéo tư duy mà tư duy..., cho nên không phải hỏi rồi mà trả lời nên cách tùy tiện. Lại nữa , Bởi vì Đức Phật muốn tự mình biểu hiện về tướng của người trí, nghĩa là những người trí tư duy kỹ càng rồi mới nói,

cho nên Đức Phật được thừa hỏi nhưng vẫn lắng lòng tư duy.

Có người đưa ra cách nói này: “Đức Phật muốn đi vào phóng để dạo chơi trong cảnh giới của tĩn lự, cho nên A-nan thừa hỏi mà không trả lời. Lúc bấy giờ vào khoảng xế chiều, Đức Phật từ trong Định mà đứng dậy, đi ra đến giữa đại chúng, trải chỗ ngồi như thường lệ, khoan thai mà ngồi. Tôn giả A-nan tiến lên đến trước Đức Phật, đánh lễ dưới hai chân, chắp tay cung kính mà thưa với Đức Phật rằng: Hôm nay Đức Như Lai đi lại ung dung, gương mặt thật thanh lịch, các căn vắng lặng nhất định là dạo chơi trong cảnh giới tĩn lự tiếp nhận niềm vui của pháp hiện có, lời con thưa thỉnh trước đây, chỉ mong Đức Thế Tôn nói cho con biết! Đức Phật bảo với A-nan: Đúng như vậy! như ông đã nói, lắng nghe kỹ càng và hãy cố gắng suy nghĩ, ta sẽ nói cho ông biết, tám vạn bốn ngàn vị quan phụ tá ở nước Ma-kiệt-đà đã mạng chung, có người là Hóa pháp điều phục, có người là pháp tùy pháp hành, đều đoạn trừ ba kiết, đạt được quả dự lưu không còn lui sụt nữa, chắc chắn hưởng đến bồ đề, cuối cùng có bảy lần trở lại, trở lại chốn trời-người bảy lần, lưu chuyển qua lại làm thành giới hạn của khổ đau, nên loại sinh vào cõi trời tứ đại vương chúng, như vậy cho đến nên loại sinh linh vào trong chúng đồng phân của cõi tha hóa tự tại, cho đến nói rộng ra”

Hỏi: Quan phụ tá có nghĩa là gì?

Đáp: Họ luôn luôn hộ trì Phật-Pháp-Tăng bảo khiến cho không có gì giảm sút, cho nên gọi là phụ tá. Lại nữa, vì họ đều là những người cung cấp hầu hạ trong cung vua Tần-tỳ-sa-la, cho nên gọi là phụ tá. Lại nữa, họ đều là những người giúp đỡ vua Tần-tỳ-sa-la thâm nhiếp nuôi dưỡng dân chúng trong nước, cho nên gọi là phụ tá. Lại nữa, họ là những người từ đời trước đã từng được đặt tên, nghĩa là “Xưa có vị vua, đầy đủ bảy báu, làm vị vua cai quản bốn châu thiên hạ, dẫn đầu tám vạn bốn ngàn người phụ tá, cưỡi hư không để dạo chơi khắp nơi. Lúc ấy những vòng xe báu bỗng nhiên dừng lại, không vận hành nữa, nhà vua liền kinh sợ nói với các quan rằng: Mong là không phải mất đi ngôi vị, có lẽ mạng sống hết rồi chăng? Thần cây Bồ-đề ngửa mặt thưa với nhà vua rằng: Từ đây xuống dưới không xa, có cây Bồ-đề, chư Phật dựa vào cây đó mà thành tựu quả vị Đẳng chánh giác, không nên ở phía trên cưỡi hư không mà đi. Nhà vua nghe liền hạ xuống đánh lễ sám hối nhận lỗi, cùng với những người phụ tá cung kính vòng quanh cây về phía bên phải, thiết lễ cúng dường rồi theo đường khác mà đi. Chuyển luân vương lúc ấy nay chính là vua Ảnh-kiên, tám vạn bốn ngàn phụ tá lúc ấy nay là những vị quan bị Vị Sinh Oán giết hại. “Vì vậy, biết rằng phụ

tá là tên gọi đời trước, trong kinh tuy nói như vậy mà không phân biệt về nghĩa ấy, kinh là nơi y cứ căn bản của luận này, trong kinh không giải thích thì nay cần phải giải thích, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Vì sao những người ấy gọi là hóa pháp điều phục? Vì sao những người ấy gọi là pháp tùy pháp hành?

Đáp: Nếu ở trong loài trời mà thấy pháp thì gọi là hóa pháp điều phục, nếu ở trong loài người mà thấy pháp thì gọi là pháp tùy, pháp hành. Lại nữa nếu không thọ trì giới mà thấy pháp thì gọi là hóa pháp điều phục, nếu thọ trì giới mà thấy pháp thì gọi là pháp tùy pháp hành. Lại nữa, nếu ở trong loài người gieo trồng các căn thiện, cũng làm cho thành thực, về sau sinh trong loài trời đạt được giải thoát thì gọi là hóa pháp điều phục, nếu ở trong loài người gieo trồng các căn thiện, cũng làm cho thành thực, ngay ở trong loài người đạt được giải thoát thì gọi là pháp tùy pháp hành. Lại nữa, nếu ở trong loài người tu căn thiện thuận quyết trạch phần, về sau sinh trong loài trời được thông đạt thì gọi là hóa pháp điều phục, nếu ở trong loài người tu căn thiện thuận quyết trạch phần, ngay từ trong loài người được thông đạt thì gọi là pháp tùy pháp hành. Lại nữa, nếu ở trong loài người tu đạo gia hạnh, về sau sinh trong loài trời tiến vào chánh tánh ly sinh thì gọi là hóa pháp điều phục, nếu ở trong loài người tu đạo gia hạnh, ngay từ trong loài người tiến vào chánh tánh hy sinh thì gọi là pháp tùy pháp hành. Lại nữa, nếu ở trong loài người tu căn thiện thực hành đế, về sau sinh trong loài trời đạt được hiện quán về đế thì gọi là hóa pháp điều phục, nếu ở trong loài người tu căn thiện thực hành đế, ngay từ trong loài người đạt được hiện quán về đế thì gọi là pháp tùy pháp hành. Lại nữa, nếu ở trong loài người tu sửa căn thiện, về sau sinh trong loài trời thấy được thanh tịnh thì gọi là hóa pháp điều phục, nếu ở trong loài người tu sửa căn thiện, ngay từ trong loài người thấy được thanh tịnh thì gọi là pháp tùy pháp hành. Lại nữa, nếu ở trong loài người thọ giới nhờ tên gọi, về sau sinh trong loài trời đạt được giới mà bậc thánh yêu quý thì gọi là hóa pháp điều phục, nếu ở trong loài người thọ giới nhờ tên gọi, ngay từ trong loài người đạt được giới mà bậc thánh yêu quý thì gọi là pháp tùy pháp hành. Lại nữa, nếu ở trong loài người có được luật nghi biệt giải thoát tĩnh lự, về sau sinh trong loài trời đạt được luật nghi vô lậu thì gọi là hóa pháp điều phục, nếu ở trong loài người có được luật nghi biệt giải thoát tĩnh lự, ngay từ trong loài người đạt được luật nghi vô lậu thì gọi là pháp tùy pháp hành. Lại nữa, nếu ở trong loài người thọ giới tác ý, về sau sinh trong loài trời đạt được giới của pháp vốn như vậy thì gọi là hóa pháp điều phục

nếu ở trong loài người thọ giới tác ý, ngay từ trong loài người đạt được giới của pháp vốn như vậy thì gọi là pháp tùy pháp hành. Lại nữa, nếu ở trong loài người đạt được giới tăng thượng-tâm học tăng thượng, về sau sinh trong loài trời đạt được tuệ học tăng thượng thì gọi là hóa pháp điều phục, nếu ở trong loài người đạt được giới tăng thượng-tâm học tăng thượng, ngay từ trong loài người đạt được tuệ học tăng thượng thì gọi là pháp tùy pháp hành. Lại nữa, nếu ở trong loài người tu chi dự lưu, về sau sinh trong loài trời đạt được quả dự lưu thì gọi là hóa pháp điều phục, nếu ở trong loài người tu chi dự lưu ngay từ trong loài người đạt được quả dự lưu thì gọi là pháp tùy pháp hành. Lại nữa, nếu ở trong loài người có được niềm tin thế tục, về sau sinh trong loài trời được chứng tịnh thì gọi là hóa pháp điều phục, nếu ở trong loài người có được niềm tin thế tục, ngay từ trong loài người được chứng tịnh thì gọi là pháp tùy pháp hành. Lại nữa, nếu ở trong loài người tu ba mươi bảy pháp phần Bồ đề, về sau sinh trong loài trời đạt được đầy đủ thì gọi là hóa pháp điều phục, nếu ở trong loài người tu ba mươi bảy pháp phần Bồ đề, ngay từ trong loài người đạt được đầy đủ thì gọi là pháp tùy pháp hành.

Hỏi: Tại sao trong loài trời được thấy pháp thì gọi là hóa pháp điều phục, ngay từ trong loài người được thấy pháp thì gọi là pháp tùy pháp hành?

Đáp: Bởi vì nếu ở trong loài trời được thấy pháp thì tu gia hạnh ít, nếu ở trong loài người được thấy pháp thì tu nhiều gia hạnh. Nghĩa là ở trong loài người được thấy pháp, trước hết phải chịu khó cung kính cúng dường thầy bạn, tụng tố-đát-lãm, học tỳ-nại-da, lắng nghe tiếp nhận quyết trạch A-tỳ-đạt-ma, từ duy quán sát đối với tự tướng và cộng tướng của tất cả các pháp, được thuần phục rồi đi đến chốn núi rừng ở nơi vắng vẻ yên lặng đầu đêm - cuối đêm trừ bỏ ngủ nghỉ, dần dần còn thọ trì bảy pháp đại-tiêu, bắt đầu từ lúc mặt trời lặn đến lúc mặt trời mọc, ngồi kiết già và giữ cho đỉnh đầu yên lặng, đi lại thì cầm pháp trượng, tinh tiến tràn đầy, buộc niệm tư duy mới tiến vào thánh đạo. Đó là do nhiều pháp gia hạnh như vậy, cho nên gọi là pháp tùy pháp hành. Nếu ở trong loài trời được thấy pháp, thì do xưa kia ở trong loài người đã có văn-tư-tu cho nên bây giờ tùy ý vận dụng mà thánh đạo hiện rõ trước mắt. Đó là thọ thân hóa sinh thấy pháp mà điều phục, cho nên lập thành tên gọi riêng biệt là hóa pháp điều phục.

Thế nào là đa dục? Cho đến nói rộng ra

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh nghĩa là trong kinh



nói có nhiều ham muốn, có không vui đủ. Trong kinh tuy nói như vậy nhưng không biệt về nghĩa lý ấy, kinh là nơi y cứ căn bản của luận này, điều trong kinh không giải thích thì nay cần giải thích, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thế nào là đa dục?

Đáp: Những điều ham muốn-đã ham muốn-đang ham muốn, đó gọi là nhiều ham muốn. Luận sư của bản luận này có được sự thiện xảo đối với danh nghĩa khác nhau, cho nên dùng các loại tên gọi để biểu hiện rõ ràng về nhiều ham muốn, lời văn tuy có khác mà thể không có gì khác biệt.

Hỏi: Thế nào là không vui đủ?

Đáp: Những điều không vui, không vui như nhau, không vui cùng khắp, không cùng vui, không đáng vui, đó gọi là không vui đủ. Luận sư của bản luận này có được sự thiện xảo đối với danh nghĩa khác nhau, cho nên dùng các loại tên gọi để biểu hiện rõ ràng về không vui đủ, lời văn tuy có khác mà thể không có gì khác biệt.

Nhiều ham muốn và không vui đủ có gì sai biệt? Cho đến nói rộng ra

Hỏi: Vì sao lại soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn làm cho người nghi ngờ có được quyết định rõ ràng. Nghĩa là hai pháp này lần lượt chuyển tiếp tương tự, thấy kẻ nhiều ham muốn thì người thế gian cùng nói là không vui đủ, thấy người không vui đủ thì người thế gian cùng nói là nhiều ham muốn. Hoặc có người sinh nghi hai pháp này là nên vì làm cho mỗi nghi ấy được quyết định, hiển bày hai loại này có nghĩa khác nhau, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Nhiều ham muốn và không vui đủ có gì sai biệt?

Đáp: Đối với sắc-thanh-hương vị-xúc, áo quần-ăn uống-gường ghế-thuốc thang và những vật dụng của cải đáng yêu khác chưa có được, những phương tiện mong cầu-tìm kiếm-nhớ tưởng, đó gọi là nhiều ham muốn. Trong này, đối với sắc-thanh-hương-vị-xúc đáng yêu chưa có được, dựa theo người tại gia mà nói, thì họ rong ruổi khắp nơi tìm cầu đối với sắc-thanh... đáng yêu chưa có được, nghĩa là người làm nông thì tìm cầu ruộng vườn-trâu dê, tích trữ các vật dụng cung cấp cho đời sống như áo, quần, nhà cửa, thóc lúa,... nếu là người giàu sang thì họ mưu cầu địa vị-lãnh thọ-thành ấp-voi ngựa, châu báu và các loại dục lạc. Đối với áo quần, ăn uống, giường ghế, thuốc thang và những vật dụng của cải khác chưa có được, dựa theo người xuất gia mà nói, thì họ mưu cầu các loại như y bát, phòng ốc, vật dụng của cải và đệ tử... chưa



có được. Những sự mong cầu... thì tên gọi tuy có khác mà thể không có gì sai khác, bởi vì đều là biểu hiện rõ ràng về nghĩa của nhiều ham muốn. Đối với sắc-thanh-hương-vị-xúc, áo quần, ăn uống, giường ghế, thuốc thang và những vật dụng của cải đáng yêu khác đã có được, mà lại còn mong mỗi, còn ham muốn, còn ưa thích, còn mưu cầu đó gọi là không vui đủ. Trong này, đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc đáng yêu đã có được, dựa theo người tại gia mà nói, thì họ đối với sắc thanh... đáng yêu đã có được mà không sinh lòng vui đủ, lại mong cầu thêm nữa, nghĩa là người làm nông đối với ruộng vườn... có được nên lại mong có hai, cho đến nói rộng ra, nếu là người giàu sang thì đối với địa vị, hơn người... có được nên lại mong có hai, cho đến nói rộng ra, đối với áo, quần, ăn uống, giường ghế, thuốc thang và những vật dụng của cải khác đã có được, dựa theo người xuất gia mà nói, thì họ đối với áo quần... đã có được mà không sinh lòng vui đủ, lại mong cầu thêm nữa, nghĩa là đối với y bát, phòng ốc, vật dụng của cải và đệ tử... có được lại mong có hai, cho đến nói rộng ra. Những sự mong cầu thêm... thì tên gọi tuy có khác mà thể không có gì sai khác, bởi vì đều là biểu hiện rõ ràng về nghĩa của không vui đủ. Sự sai biệt như vậy, là hiển bày về nhiều ham muốn, những phương tiện mong cầu tìm kiếm-nhớ tưởng, thì nhiều ham muốn là nhân của những sự mong cầu nếu tâm không yêu thích thì không có những sự mong cầu, và hiển bày về không vui đủ, lại còn mong mỗi, còn ham muốn, còn ưa thích, còn mưu cầu, thì không vui đủ, là nhân của những mong mỗi thêm nữa... Đây chính là biểu hiện rõ ràng về nhiều ham muốn và không vui đủ, tuy cùng lấy căn bất thiện là tham để làm tự tánh, mà dựa vào cảnh chưa có được đã có được để phát khởi, cho nên có sai biệt.

Có người đưa ra cách nói này, không vui đủ là nhân, nhiều ham muốn là quả, trong này nhân-quả biểu hiện rõ ràng cho nhau. Hoặc có người nói: Mong cầu là nhiều ham muốn, tìm kiếm là không vui đủ. Lại có người nói khó thỏa mãn là bởi vì nhiều ham muốn, nhiều mong cầu, khó nuôi dưỡng là bởi vì không vui đủ, thích chọn lựa. Có sự khác nói: Nhiều ham muốn chỉ thuộc về ý địa, bởi vì duyên với vị lai, không vui đủ gồm cả sáu thức thân, bởi vì duyên với hiện tại.

**Lời bình:** nên đưa ra cách nói này: hai loại này đều là tất cả căn bất thiện tham của cõi dục, đều gồm cả sáu thức, nghĩa là tất cả hai loại khiến cho đối với cảnh giới của sắc thanh... đã có được mang nghĩa không vui đủ, gọi là không vui đủ, khiến cho đối với cảnh giới của sắc thanh... chưa có được mang nghĩa nhiều mong cầu, gọi là nhiều ham

muốn. Vì vậy, hai loại này đều chung cho cõi dục, sáu thức đều phát khởi căn bất thiện tham.

Thế nào là thiếu dục? Cho đến nói rộng ra

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh nghĩa là trong kinh nói có ít ham muốn, có biết vừa đủ. Trong kinh tuy nói như vậy mà không phân biệt về nghĩa lý ấy, kinh là nơi y cứ căn bản của luận này, điều trong kinh không giải thích thì nay cần phải giải thích. Lại nữa, trước nói nhiều ham muốn và không vui đủ, nay muốn nói đến pháp đối trị gần của chúng, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thế nào là ít ham muốn?

Đáp: Những điều không ham muốn, không quá ham muốn, không đáng ham muốn, đó gọi là ít ham muốn. Luận sư của bản luận này có được sự thiện xảo đối với danh nghĩa khác nhau, cho nên dùng các loại tên gọi để biểu hiện rõ ràng về ít ham muốn, lời văn tuy có khác mà thể không có gì sai khác.

Hỏi: thế nào là vui vừa đủ?

Đáp: Những niềm vui, vui như nhau, vui cùng khắp, quá vui và đáng vui, đó gọi là vui vừa đủ. Luận sư của bản luận này có được sự thiện xảo đối với danh nghĩa khác nhau, cho nên dùng các loại tên gọi để biểu hiện rõ ràng về vui vừa đủ, lời văn tuy có khác mà thể không có gì sai khác.

Ít ham muốn và vui vừa đủ có gì sai biệt? Cho đến nói rộng ra

Hỏi: Vì sao lại soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn làm cho người nghi ngờ có được quyết định rõ ràng. Nghĩa là hai pháp này lần lượt chuyển tiếp tương tự, thấy người ít ham muốn thì người thế gian cùng nói là vui vừa đủ, thấy người vui vừa đủ thì người thế gian cùng nói là ít ham muốn. Hoặc có người sinh nghi hai pháp này là nên vì làm cho mối nghi ấy được quyết định, hiển bày hai loại này có nghĩa khác nhau cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Ít ham muốn và vui vừa đủ có gì sai biệt?

Đáp: Đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, áo quần, ăn uống, giường ghế, thuốc thang và những vật dụng của cải đáng yêu khác chưa có được, đều không mong cầu, không đòi hỏi, không nhớ tưởng, không tìm cách để có được, đó gọi là ít ham muốn. Trong này đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc đáng yêu chưa có được, dựa theo người tại gia mà nói, thì họ không sinh lòng mong cầu đối với sắc, thanh... đáng yêu chưa có được, nghĩa là người làm nông thì không sinh lòng mong cầu đối với địa

vị hơn người... Đối với áo quần, ăn uống, giường ghế, thuốc thang và những vật dụng của cải khác chưa có được, dựa theo người xuất gia mà nói, thì họ không sinh lòng mong cầu đối với y bát, phòng ốc, vật dụng của cải và đệ tử... chưa có được. Những sự không mong cầu... thì tên gọi tuy có khác mà thể không có gì khác nhau, bởi vì đều là biểu hiện rõ ràng về nghĩa của ít ham muốn.

Hỏi: Vì sao trong này hỏi về ít ham muốn mà lại trả lời là không ham muốn?

Đáp: Sắc, Thanh... và đặt dụng của cải đáng yêu chưa có được, tổng quát có hai loại: Như pháp và không như pháp. Đối với như pháp thì có ham muốn, đối với không như pháp thì không sinh lòng ham muốn. Lại nữa, đối với điều gì cần tiếp nhận thì có ham muốn, đối với điều gì không nên tiếp nhận thì không sinh lòng ham muốn. Lại nữa, đối với điều gì có thể ngăn bớt khổ đau thì có ham muốn, đối với điều gì tăng thêm phiền não thì không sinh lòng ham muốn. Lại nữa, đối với mong cầu phạm hạnh thì có ham muốn, đối với mong cầu tham dục - mong cầu quả báo - mong cầu tà phạm hạnh thì không sinh lòng ham muốn. Lại nữa, đối với việc làm lợi ích cho người khác thì có ham muốn. Đối với việc làm gây tổn hại cho người khác thì không sinh lòng ham muốn. Nên biết trong này nói không sinh lòng ham muốn, nghĩa là ham muốn bất thiện; có ham muốn, đó là ham muốn thuộc về thiện.

Đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, áo quần, ăn uống, giường ghế, thuốc thang và những vật dụng của cải đáng yêu khác đã có được, đều không mong cầu nữa - không ham muốn nữa - không ưa thích nữa - không theo đuổi nữa, đó gọi là vui vừa đủ. Trong này, đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc đáng yêu đã có được, dựa theo người tại gia mà nói, thì họ sinh lòng vui vừa đủ đối với sắc, thanh... đáng yêu đã có được cho nên không mong cầu thêm nữa, nghĩa là người làm nông đối với ruộng vườn... hễ có được đầy đủ thì sinh lòng; vui vừa đủ, không mong cầu thêm nữa; nếu là người giàu sang, thì đối với địa vị hơn người... tùy theo những gì đã có được thì sinh lòng vui vừa đủ, không mong cầu thêm nữa. Đối với áo quần, ăn uống, giường ghế, thuốc thang và những vật dụng của cải khác đã có được, dựa theo người xuất gia mà nói, thì họ sinh lòng vừa đủ đối với áo quần... đã có được, cho nên không mong cầu thêm nữa, nghĩa là đối với y bát, phòng ốc, vật dụng của cải và đệ tử..., tùy theo những gì đã có được thì sinh lòng vui vừa đủ, không mong cầu thêm nữa. Những sự không mong cầu thêm nữa... thì tên gọi tuy có khác mà thể không có gì khác nhau, bởi vì đều là biểu hiện rõ ràng về

nghĩa của vui vừa đủ.

Sự sai biệt như vậy, là hiển bày ít ham muốn, không mong cầu - không theo đuổi, cho đến nói rộng ra, thì ít ham muốn chính là nhân của không mong cầu - không theo đuổi..., bởi vì nếu tâm có yêu thích thì có mong cầu - theo đuổi... và hiển bày về vui vừa đủ, không mong cầu thêm nữa... thì vui vừa đủ chính là nhân của không mong cầu thêm nữa..., bởi vì nếu tâm có tham thì có mong cầu thêm nữa... Đây chính là biểu hiện rõ ràng về ít ham muốn và vui vừa đủ, tuy cùng lấy căn thiện vô tham để làm tự tánh, mà dựa vào cảnh chưa có được – đã có được để phát khởi, cho nên có sai biệt.

Có người đưa ra cách nói này: Vui vừa đủ là nhân, ít ham muốn là quả, trong này nhân - quả biểu hiện rõ ràng cho nhau. Hoặc có người nói: Không mong mỗi ham muốn là ít ham muốn, không theo đuổi mong cầu là vui vừa đủ. Lại có người nói: Dễ thỏa mãn là bởi vì ít ham muốn

- ít mong cầu, dễ nuôi dưỡng là bởi vì vui vừa đủ - không chọn lựa. Có su khác nói: Ít ham muốn chỉ thuộc về ý địa, bởi vì duyên với vị lai; vui vừa đủ gồm chung sáu thức thân, bởi vì duyên với hiện tại.

**Lời bình:** Nên đưa ra cách nói như vậy: Hai loại này đều là hệ thuộc ba cõi và không có hệ thuộc, căn thiện vô tham đều gồm chung sáu thức, nghĩa là tất cả hai loại khiến cho đối với cảnh giới của sắc, thanh... đã có được sinh ra nghĩa vui vừa đủ, gọi là vui vừa đủ; khiến cho đối với cảnh giới của sắc, thanh... chưa có được mang nghĩa ít mong cầu, gọi là ít ham muốn. Vì vậy, hai loại này đều gồm cả hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc, sáu thức đều phát khởi căn thiện vô tham.

Nên biết trong này có lúc ít ham muốn mà gọi là nhiều ham muốn, như chỉ cần nên lượng thuốc thì có thể giúp ích đầy đủ, nhưng lại mong cầu hai lượng... Có lúc nhiều ham muốn mà gọi là ít ham muốn, như cần có trăm ngàn các loại vật dụng cung cấp cho đời sống thì mới có thể giúp ích đầy đủ, nhưng chỉ mong muốn chừng ấy chứ không mong cầu nhiều thêm nữa. Có lúc ít mong cầu mà gọi là không vui đủ, như có được nên ít đồ vật đã có thể giúp ích đầy đủ, nhưng lại mong cầu ít hơn nữa. Có lúc nhiều lại mong cầu mà gọi là vui vừa đủ, như có được nên ít đồ vật thì hoàn toàn chưa giúp ích đầy đủ, càng cần đến trăm ngàn thứ cung cấp cho thân mới đủ, nhưng chỉ mong cầu như vậy chứ không mong cầu nhiều hơn nữa.

